

TỔ CHỨC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phương Hoa*, Nguyễn Tố Tâm**

Bài viết nghiên cứu về mối liên hệ giữa tổ chức kiểm soát nội bộ (KSNB) đối với thông tin kế toán tài chính (KTTC) của các công ty niêm yết (CTNY) trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng, thông qua phần mềm SPSS đánh giá các thành phần trong tổ chức KSNB ảnh hưởng đến thông tin kế toán tài chính của CTNY trên TTCK Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra môi trường kiểm soát là nhân tố quan trọng trong tổ chức KSNB ảnh hưởng tới thông tin KTTC của CTNY trên TTCK Việt Nam.

Từ khoá: Chất lượng thông tin kế toán tài chính, tổ chức kiểm soát nội bộ, môi trường kiểm soát, công ty niêm yết, thị trường chứng khoán Việt Nam.

1. Giới thiệu

Trên thế giới, làn sóng của các vụ bê bối kế toán xuất hiện gần đây trong cộng đồng tài chính quốc tế đã đưa ra những vấn đề liên quan về chất lượng lập báo cáo tài chính (BCTC) (Agrawal 2005, Brown.J. 2010). Một số công ty chiếm vị thế thực hiện gian lận về kế toán như Enron, WorldCom, Marconi, Parmalat,... đã làm giảm niềm tin các nhà đầu tư đối với đội ngũ quản lý và các BCTC. Sự đổ vỡ lan rộng trong việc công bố thông tin tài chính đã tạo ra sự cần thiết tăng cường chất lượng thông tin tài chính và tăng cường sự kiểm soát công ty (Karamanou.I. 2005, Beekes.W. 2006, Brown.L. 2006, Firth.M. 2007, Petra.S. 2007). Tại Việt Nam, khủng hoảng xảy ra ở Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết và Tập đoàn Vinashin vừa qua là một ví dụ điển hình của yếu kém trong quản trị công ty và công bố thông tin kế toán tài chính của công ty.

Kiểm soát nội bộ là công cụ hỗ trợ cho việc lập BCTC và các công ty sử dụng công cụ này một cách tự nguyện cho mục đích công bố thông tin KTTC. Nghiên cứu của (J.Altamuro. 2010) cho thấy rằng phát triển KSNB dẫn đến việc phát triển chất lượng lập BCTC trong ngành ngân hàng. Vậy có mối liên hệ gì đối với các ngành khác không? Nghiên cứu này sẽ đưa ra mối liên hệ được kiểm chứng trong

các CTNY phi tài chính trên TTCK Việt Nam.

Đổi tượng nghiên cứu của bài viết là: Tổ chức KSNB với chất lượng thông tin KTTC của các CTNY phi tài chính trên TTCK Việt Nam tại HOSE. Nghiên cứu này sẽ đưa ra những gợi ý về tổ chức KSNB nhằm tăng cường chất lượng thông tin KTTC (thông qua BCTC) của các CTNY trên TTCK Việt Nam. Cũng giống như các nghiên cứu khác, nghiên cứu này lưu ý với người đọc về những quy định và môi trường lập BCTC khác biệt ở Việt Nam cũng như những thuận lợi, khó khăn cho các công ty và TTCK Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết về mối liên hệ giữa tổ chức kiểm toán nội bộ và chất lượng thông tin kế toán tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

2.1. Chất lượng thông tin kế toán tài chính

Những quy định về đặc tính cơ bản về đặc điểm thông tin KTTC thông qua BCTC được trình bày trong CFFF (Conceptual Framework for Financial Reporting 2010) của IASB (International Accounting Standards Board) (IFRS 2010). IASB (International Accounting Standards Board) đã chỉ ra cách thức phát triển một hệ thống chuẩn mực kế toán chất lượng cao và được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

Theo CFFF của IASB, chất lượng thông tin KTTC được thể hiện qua BCTC bao gồm: *Sự phù hợp, trình bày trung thực (tin cậy)* (hai yêu cầu cần bán) và các yêu cầu làm gia tăng chất lượng thông tin KTTC là *dễ hiểu, so sánh được, xác nhận và kịp thời*. Các yêu cầu trên được đánh giá bằng thang Likert 5 cấp độ từ “*Rất quan trọng* – *Không quan trọng*” nhằm đánh giá chất lượng thông tin KTTC.

2.2. Hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp và đánh giá tổ chức kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp

Hiện nay có hai cách thức tiếp cận khác nhau về các thành phần trong hệ thống KSNB:

Theo (Alvin A.Arens 1995) các yếu tố cấu thành hệ thống KSNB bao gồm ba yếu tố: Môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát. Theo cách tiếp cận này, hệ thống KSNB là các quy định, các thủ tục kiểm soát (theo tính hệ thống) và từ đó sẽ ảnh hưởng đến các thành phần trong hệ thống KSNB.

Theo (COSO 2009), cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm năm nhân tố sau: Môi trường Kiểm soát (Control Environment), đánh giá rủi ro kiểm soát (Risk Assessment), hoạt động kiểm soát (Control Activities), hệ thống thông tin, giao tiếp

(Information and Communication) và hoạt động giám sát (Monitoring).

Tuy nhiên với cách thức tiếp cận hệ thống, tác giả lựa chọn theo quan điểm KSNB bao gồm ba thành phần. Đồng thời do hệ thống KSNB có rất nhiều nội dung liên quan, bài viết tập trung vào đánh giá môi trường kiểm soát của tổ chức KSNB (tổ chức bộ máy, công việc) với chất lượng thông tin KTTC tại các CTNY trên TTCK Việt Nam thông qua ba thành phần của hệ thống KSNB: *Môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và thủ tục kiểm soát*.

Đánh giá tổ chức KSNB được thông qua đánh giá ba thành phần của hệ thống KSNB và chú trọng tới tổ chức bộ máy và thủ tục kiểm soát. Mỗi thành phần được chia thành các nhân tố nhỏ và lượng hoá chi tiết theo bảng 1.

2.3. Môi liên hệ giữa tổ chức kiểm soát nội bộ và chất lượng thông tin kế toán tài chính

Kiểm soát nội bộ là công cụ hỗ trợ cho việc thiết lập BCTC chất lượng và các công ty sử dụng công cụ này một cách tự nguyện cho mục đích công bố thông tin KTTC. Nghiên cứu của (J.Altamuro, 2010) đã kiểm chứng việc thực hiện KSNB bởi FDI-CIA (the Federal Depository Insurance Corporation Improvement Act- USA) trong suốt thập niên 1990

Bảng 1. Các nhân tố sử dụng trong lượng hoá tổ chức KSNB*

Môi trường kiểm soát	Hệ thống thông tin kế toán	Thủ tục kiểm soát
Tính liêm chính và đạo đức (đối với các nhà quản lý doanh nghiệp)	Yêu cầu trong quá trình thực hiện	Phân chia trách nhiệm theo nguyên tắc “bất kiêm nhiệm”
Trách nhiệm của nhà quản lý doanh nghiệp về báo cáo tài chính và hoạt động KSNB	Ban hành và hướng dẫn quy trình kế toán	Ủy nhiệm cho người có thẩm quyền phê chuẩn các nghiệp vụ thích hợp
Triết lý quản lý và phong cách điều hành	Tính kịp thời trong cung cấp thông tin kế toán	Chứng từ và sổ sách đầy đủ
Cơ cấu tổ chức	Hệ thống bảo mật thông tin	Kiểm soát vật chất đối với tài sản và sổ sách
Năng lực lập báo cáo tài chính	Trình độ thực hiện công việc kế toán	Kiểm soát độc lập việc thực hiện
Công tác kế hoạch	Tổ chức, phân công công việc kế toán	Thực hiện quy chế trong công ty
Chính sách và nguồn nhân lực		
Bộ phận kiểm toán nội bộ		

Và các thang đo được áp dụng là thang Likert 5 cấp độ từ “*Rất ảnh hưởng* - *Không ảnh hưởng*”.

* Các nhân tố ảnh hưởng trích dẫn trong Chuẩn mực kiểm toán

nhằm điều tra các thủ tục KSNB có ảnh hưởng tới việc lập BCTC. Và kết quả nghiên cứu cho thấy rằng phát triển KSNB về giám sát và lập báo cáo dẫn đến việc phát triển trong chất lượng lập BCTC trong lĩnh vực tài chính.

Tổ chức KSNB là một chủ đề bàn luận có liên quan đến những gian lận lập BCTC và những vụ bê bối kế toán ở những quốc gia đang phát triển và quốc gia phát triển (Angella.A. 2009). Theo kết quả nghiên cứu trong báo cáo của Treadway Commission năm 1987 tại Mỹ đã cho thấy sự vắng bóng hoặc yếu kém trong tổ chức KSNB là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến những gian lận về thông tin tài chính của các công ty.

Những nghiên cứu trước đây đã chỉ ra mối liên hệ giữa chất lượng thông tin KTTC với quản trị công ty, hệ thống KSNB trong công ty. Vậy giữa chất lượng thông tin KTTC và tổ chức KSNB (bộ máy, thủ tục kiểm soát) có mối liên hệ mật thiết với nhau như thế nào? Và mối liên hệ này được kiểm chứng trong các CTNY phi tài chính tại HOSE ở Việt Nam?

Xuất phát từ những câu hỏi nghiên cứu trên, giả thiết được đặt ra cho quá trình nghiên cứu để kiểm định là:

H0: Tổ chức KSNB không ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC

H1: Tổ chức KSNB ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC

2.4. Phương pháp nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng thông tin kế toán tài chính với tổ chức kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp

Nghiên cứu sử dụng thông tin thu thập từ các CTNY của HOSE. Phiếu khảo sát được thiết kế và sau khi thực hiện Pilot survey được gửi cho 100 CTNY phi tài chính của HOSE. Những câu hỏi thu thập và được kiểm tra sự tương quan giữa các câu hỏi bằng Cronbach alpha thông qua kiểm định trên SPSS và đều cho kết quả trên 0,8 (đạt độ tin cậy).

Mô hình sử dụng trong nghiên cứu là:

$$FAQ = \beta_0 + \beta_1 EC + \beta_2 AS + \beta_3 CP + \beta_4 Age + \beta_5 Capital + \beta_6 HOSE$$

Trong đó:

FAQ: Chất lượng thông tin kế toán tài chính

EC: Môi trường kiểm soát

AS: Hệ thống thông tin kế toán

CP: Các thủ tục kiểm soát

Age: Năm thành lập công ty

Capital: Vốn điều lệ

HOSE: Thời gian niêm yết trên HOSE

Nghiên cứu này thực hiện việc lượng hoá chất lượng thông tin KTTC của các CTNY, những thành phần của tổ chức KSNB ảnh hưởng tới chất lượng thông tin KTTC, từ đó xác định thành phần nào có tác động lớn nhất tới chất lượng thông tin KTTC. Việc kiểm định giả thuyết nghiên cứu và đánh giá mối quan hệ của tổ chức KSNB tới chất lượng thông tin KTTC được thực hiện thông qua phần mềm SPSS.

Lượng hoá chất lượng thông tin kế toán tài chính thông qua phương pháp trọng số

Để xây dựng công cụ đánh giá, nghiên cứu đã sử dụng các yêu cầu về chất lượng thông tin KTTC theo CFFF của IASB. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ để đánh giá các yêu cầu đặc trưng của chất lượng thông tin KTTC (Bảng 2).

Bằng phương pháp thống kê mô tả, thông qua phần mềm SPSS, tác giả kiểm tra liệu rằng chất lượng thông tin KTTC có được khẳng định qua các đặc tính yêu cầu về sự phù hợp, trình bày trung thực, xác thực thông tin, dễ hiểu, so sánh được và kịp thời (theo số liệu thu thập các công ty đều nộp BCTC đúng hạn) thông qua tổng hợp sau:

$$FAQ = (R12 + F12 + V12 + U1 + C1) / 5$$

Giả định T1 = 1 và không đưa vào phần tính toán (theo số liệu thu thập các công ty đều nộp BCTC đúng hạn).

Trong đó:

FAQ: Chất lượng thông tin KTTC

R12: Trung bình cộng yêu cầu sự phù hợp trong BCTC: $R12 = (R1+R2)/2$

F12: Trung bình cộng yêu cầu trình bày trung thực: $F12 = (F1+F2)/2$

V12: Trung bình cộng yêu cầu trình xác thực thông tin: $V12 = (V1+V2)/2$

U1: Trung bình cộng yêu cầu dễ hiểu

C1: Trung bình cộng yêu cầu so sánh được

Lượng hoá ảnh hưởng của tổ chức KSNB thông qua các thành phần cấu thành

Bảng 3 mô tả phần lượng hoá cho các thành phần trong tổ chức KSNB. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ để đánh giá ảnh hưởng.

Bằng phương pháp thống kê mô tả, thông qua phần mềm SPSS, tác giả đánh giá tổ chức KSNB qua ba thành phần: Môi trường kiểm soát, hệ thống

Bảng 2. Bảng câu hỏi về chất lượng thông tin kế toán tài chính

Đặc tính	Câu hỏi
Phù hợp (Relevance)	R1 - Trong BCTC, bảng phân tích và dự báo tài chính tương lai của công ty được đánh giá?
	R2 - Trong BCTC, công ty có trình bày những thông tin phi tài chính (báo cáo quản lý) mô tả về tình hình kinh doanh của công ty và những vấn đề rủi ro liên quan đến thông tin tài chính được đánh giá?
Trình bày trung thực (Faithful representation)	F1 - Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp theo chế độ kế toán.
	F2 - Trình bày nhằm cung cấp thông tin phù hợp, đáng tin cậy.
	F3 - Cung cấp các thông tin bổ sung để giúp cho người sử dụng hiểu được tác động của những giao dịch hoặc những sự kiện cụ thể đến tình hình tài chính của công ty.
	F4 - Đánh giá khả năng hoạt động liên tục của công ty?
Xác thực (Verifiability)	V1 - Báo cáo tài chính Công ty được thực hiện kiểm toán bởi các công ty kiểm toán độc lập
	V2- Tầm quan trọng của ý kiến KTV độc lập ảnh hưởng quyết định kinh tế?
Dễ hiểu (Understandability)	U1 - BCTC cung cấp đầy đủ thông tin (bao gồm phân tích, giao dịch nội bộ), ngắn gọn, dễ hiểu được đánh giá
So sánh được (Comparability)	C1 - BCTC cung cấp thông tin so sánh, đánh giá
Đúng kỳ (Timeless)	T1 - Công ty công bố BCTC năm đúng hạn

kế toán và thủ tục kiểm soát. Trong các thành phần phân trên, thành phần nào ảnh hưởng lớn đến một tổ chức KSNB trong việc cung cấp thông tin KTTTC? Theo những nghiên cứu trước, môi trường kiểm soát có ảnh hưởng nhất đến hệ thống KSNB, chiếm tỷ trọng 40% trong tổ chức KSNB, hệ thống kế toán và thủ tục kiểm soát đều chiếm tỷ trọng là 30%.

Cụ thể: $CS = EC * 40\% + AS * 30\% + CP * 30\%$

Trong đó:

CS: Tổ chức KSNB

EC: Môi trường kiểm soát

AS: Hệ thống kế toán

CP: Thủ tục kiểm soát

3. Kết quả khảo sát mối liên hệ giữa chất lượng thông tin kế toán tài chính với tổ chức kiểm soát nội bộ của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tại Hose)

3.1. Lượng hoá trọng số các yêu cầu về chất

lượng thông tin kế toán tài chính

Phù hợp (Relevance): Được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi hai thành phần R1, R2. Kết quả phân tích cho thấy, các công ty đánh giá cao về yêu cầu này trong BCTC với mức trung bình là 4,21 (quan trọng), với mức độ tập trung cao 0,639 (trong mức độ từ 1-5). Đối với từng thành phần trong yêu cầu này thì R2 – “*Trong BCTC, công ty có trình bày những thông tin phi tài chính (báo cáo quản lý) mô tả về tình hình kinh doanh của công ty và những vấn đề rủi ro liên quan đến thông tin tài chính được đánh giá?*” được đánh giá cao hơn với trung bình là 4,47 và mức độ tập trung cao 0,554. Trong khi đó R1 – “*Trong BCTC, bảng phân tích và dự báo tài chính tương lai của công ty được đánh giá?*” có mức trung bình là 3,95 và mức độ tập trung hơn 0,959. Điều này chứng tỏ những thông tin phi tài chính được các công ty cho là quan trọng, đánh giá sự phù hợp về thông tin KTTTC.

Trình bày trung thực (Faithful representa-

Bảng 3. Lượng hoá ảnh hưởng của các thành phần trong tổ chức KSNB

Câu hỏi số	Câu hỏi
Môi trường kiểm soát (Environmental control)	
E1	Tinh liêm chính và đạo đức (đối với các nhà quản lý doanh nghiệp) được đánh giá trong tổ chức KSNB
E2	Trách nhiệm của nhà quản lý doanh nghiệp về lập BCTC và hoạt động KSNB được đánh giá trong tổ chức KSNB
E3	Triết lý quản lý và phong cách điều hành của nhà quản trị được đánh giá trong tổ chức KSNB
E4	Cơ cấu tổ chức của đơn vị được đánh giá trong tổ chức KSNB
E5	Năng lực lập BCTC của nhà quản trị được đánh giá trong tổ chức KSNB
E6	Công tác kế hoạch trong doanh nghiệp được đánh giá trong tổ chức KSNB
E7	Chính sách và nguồn nhân lực trong doanh nghiệp được đánh giá trong tổ chức KSNB
E8	Bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp có không?
E9	Bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp (nếu có) được đánh giá trong tổ chức KSNB
E10	Đánh giá việc đảm nhận công việc kiểm soát của bộ phận kiểm soát trong đơn vị
Hệ thống thông tin kế toán (Accounting information system)	
A1	Yêu cầu trong quá trình thực hiện kế toán ảnh hưởng như thế nào đến quá trình lập và công bố thông tin KTTC
A2	Việc ban hành và hướng dẫn quy trình kế toán được đánh giá
A3	Hệ thống kế toán cung cấp thông tin về KTTC đảm bảo tính kịp thời cho quá trình ra quyết định được đánh giá
A4	Tính bảo mật thông tin (đảm bảo thông tin trong công ty, truy cập được cấp phép) được đánh giá
A5	Trình độ thực hiện công việc kế toán được đánh giá
A6	Tổ chức, phân công công việc kế toán đảm bảo phù hợp
Thủ tục kiểm soát (Control procedures)	
P1	Phân chia trách nhiệm theo nguyên tắc “bất kiêm nhiệm” được đánh giá trong tổ chức KSNB
P2	Ủy nhiệm cho người có thẩm quyền phê chuẩn các nghiệp vụ thích hợp được đánh giá trong tổ chức KSNB
P3	Chứng từ và sổ sách đầy đủ được đánh giá trong tổ chức KSNB
P4	Kiểm soát vật chất đối với tài sản và sổ sách
P5	Kiểm soát độc lập việc thực hiện được đánh giá trong tổ chức KSNB
P6	Thực hiện quy chế kiểm soát trong công ty được đánh giá

tfoot): Được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi bốn thành phần F1, F2, F3 và F4. Kết quả phân tích cho thấy, các công ty đánh giá cao về yêu cầu này trong BCTC (cao hơn sự phù hợp – R) với mức trung bình là 4,46 (rất quan trọng), với mức độ

tập trung cao 0,527 (trong mức độ từ 1-5). Các thành phần trong yêu cầu trình bày trung thực được đánh giá gần như nhau và sát mức trung bình, mức độ tập trung tốt. Điều này chứng tỏ yêu cầu về trình bày trung thực BCTC được đánh giá rất quan trọng

trong chất lượng thông tin KTTC.

Xác thực (Verifiability): Được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi hai thành phần V1 và V2, trong đó V1 được chuyển đổi với thang đo V1 x 5. Kết quả phân tích cho thấy, các công ty đánh giá yêu cầu này trong BCTC là bình thường (trung bình là 3.18), tuy nhiên mức độ phân tán về kết quả nhận được là khá lớn.

Đễ hiểu (Understandability): Trung bình của yêu cầu trên là 4,38 và độ tập trung cao 0,667, yêu cầu “*Đễ hiểu*” được các công ty đánh giá cao khi cung cấp thông tin KTTC.

So sánh được (Comparability): Trung bình của yêu cầu trên là 4,47 và độ tập trung cao 0,599, yêu cầu “*So sánh được*” được các công ty đánh giá cao khi cung cấp thông tin KTTC.

Kịp thời (Timeless): Hầu hết các công ty khảo sát nộp BCTC đúng hạn. Trong phần lượng hoá, vì yêu cầu kịp thời được mô tả với trung bình bằng 1 nên không đưa vào phần tính toán về chất lượng thông tin KTTC.

Theo số liệu phân tích trên phần mềm SPSS cho thấy: Mức trung bình đánh giá chất lượng thông tin KTTC các công ty khảo sát là 4,35 (chất lượng tốt) với mức độ phân tán nhỏ 0,48, miền số liệu đánh giá từ 3,4 – 5.

3.2. Đánh giá chất lượng tổ chức kiểm soát nội bộ tại các công ty niêm yết

Môi trường kiểm soát (Environmental control): Qua bộ dữ liệu thu thập được cho thấy: gần một nửa số công ty không có bộ phận KTNB trong khi đó các công ty đều cho rằng bộ phận KTNB là thành phần quan trọng trong tổ chức KSNB. Đánh giá môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến thông tin KTTC được xác định trung bình cộng của yêu cầu này bởi các thành phần E1- E10 và được đánh giá là như nhau trong các thành phần cấu thành môi trường kiểm soát trong doanh nghiệp. Kết quả phân tích cho thấy môi trường kiểm soát với mức trung bình là 4,236 (quan trọng) và mức độ tập trung cao 0,45 (trong mức độ từ 1-5). Đối với từng thành phần của môi trường kiểm soát, E1 – *Tinh liêm chính và đạo đức của nhà quản trị trong tổ chức KSNB* được đánh giá cao nhất với trung bình là 4,47 và mức độ tập trung cao 0,679. Tiếp đó, trách nhiệm của nhà quản trị doanh nghiệp về lập BCTC và hoạt động KSNB được đánh giá với mức trung bình là 4,45 và mức độ phân tán nhỏ 0,677. Hầu hết các thành phần trong môi trường KSNB đều được đánh giá ảnh hưởng quan trọng đến tổ chức KSNB.

Hệ thống thông tin kế toán (Accounting information system): Theo phân tích cho thấy, thành phần này có ảnh hưởng quan trọng đến tổ chức KSNB, thông tin KTTC với mức trung bình là 4,54 và mức độ tập trung cao 0,511.

Thủ tục kiểm soát (Control procedures): Thủ tục kiểm soát được đánh giá ảnh hưởng quan trọng đến tổ chức KSNB với mức trung bình là 4,37 và mức độ tập trung cao 0,498. Trong đó, thực hiện quy chế kiểm soát trong công ty (P6) và chứng từ, sổ sách đầy đủ (P3) được đánh giá quan trọng hơn cả.

Tổ chức KSNB được đánh giá cao thông qua mô tả tại Bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá tổ chức KSNB

Mean	4.3657
Median	4.3389
Std. Deviation	.44466
Minimum	3.11
Maximum	4.96

Nhìn chung các công ty đều đánh giá cao tổ chức KSNB đối với thông tin KTTC ở mức trung bình là 4,36 và mức độ tập trung cao 0,44 (trong thang đo 1-5).

3.3. Lượng hoá mối liên hệ giữa tổ chức kiểm soát nội bộ với chất lượng thông tin kế toán tài chính

Thông qua giả thuyết và phương trình liên hệ, sử dụng phương pháp kiểm định thống kê xác định mối liên hệ tương quan chặt chẽ giữa tổ chức KSNB và chất lượng thông tin KTTC.

H0: Tổ chức KSNB không ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC

H1: Tổ chức KSNB ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC

Mô hình : $FAQ = \beta_0 + \beta_1.EC + \beta_2.AS + \beta_3.CP + \beta_4.Age + \beta_5.Capital + \beta_6.HOSE$

Ảnh hưởng của tổ chức kiểm soát nội bộ tới chất lượng thông tin kế toán tài chính

Sử dụng SPSS phân tích cho chúng ta kết quả về mối tương quan giữa tổ chức KSNB với chất lượng thông tin KTTC ta được mô hình sau:

$FAQ = 0 + 0,606.EC + 0,162.AS + 0,189.CP - 0,133.Age - 0,02.Capital + 0,242.HOSE$

Theo số liệu phân tích cho thấy mối liên hệ chặt chẽ của mô hình ($R = 0,881, R^2 = 0,777$ và với độ tin cậy của Sig.F <5% ta bác bỏ giả thiết Ho và

khẳng định giá thiết *H1 - Tổ chức KSNB ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC.*

Qua phân tích ANOVA khẳng định thêm sự biến thiên khá tập trung về mô hình kiểm định (7,003 trên tổng sai số là 9,014) và mối liên hệ chặt chẽ với $P\text{-value} < 5\%$.

Phân tích chi tiết từng nhân tố trong mô hình với độ tin cậy lớn hơn 95%, ta thấy chỉ có môi trường kiểm soát (Sig. = 0,000) và thời gian niêm yết trên HOSE (Sig. = 0,021) có ảnh hưởng tới chất lượng thông tin KTTC, các nhân tố khác không đảm bảo tính tương quan tuyến tính, sơ dĩ như vậy là do có những nhân tố trong tổ chức KSNB có mối quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau. Hoặc giả môi trường kiểm soát ảnh hưởng quá lớn mà làm giảm ảnh hưởng của hệ thống kế toán và thủ tục kiểm soát.

Phân tích SPSS qua chỉ số β cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần KSNB với chất lượng thông tin kế toán tài chính ($0 < \beta < 1$). Theo kết quả phân tích, thành phần của tổ chức KSNB ảnh hưởng lớn nhất là môi trường kiểm soát ($\beta = 0,606$), thủ tục kiểm soát ($\beta = 0,189$) và cuối cùng là hệ thống kế toán ($\beta = 0,162$).

Giá định chỉ kiểm định ảnh hưởng của toàn bộ tổ chức KSNB (không xét đến từng thành phần chi tiết), mô hình trên được viết ngắn gọn lại là: $FAQ = \beta_0 + \beta_1 CS + \beta_2 Age + \beta_3 Capital + \beta_4 HOSE$ và giả thiết kiểm định giữ nguyên. Kết quả kiểm định là: $FAQ = 0,857.CS - 0,109 Age + 0,014.Capital + 0,165.HOSE$ và tổ chức KSNB ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC với độ tin cậy trên 95% (Sig. = 0,000).

Ảnh hưởng của từng thành phần trong tổ chức kiểm soát nội bộ tới chất lượng thông tin kế toán tài chính

Để khẳng định sự tương quan giữa tổ chức KSNB với chất lượng thông tin KTTC, tác giả thực hiện kiểm định riêng biệt các thành phần trong tổ chức KSNB và chất lượng thông tin KTTC.

Kiểm định ảnh hưởng của môi trường kiểm soát tới chất lượng thông tin kế toán tài chính

Thực hiện kiểm định riêng mối tương quan giữa môi trường kiểm soát và chất lượng thông tin KTTC cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa môi trường kiểm soát với chất lượng thông tin KTTC. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây và khẳng định rằng môi trường kiểm soát là nhân tố quyết định đến chất lượng thông tin KTTC (Sig. < 5% và hệ số $\beta = 0,853$). Và thời gian niêm yết trên HOSE

khẳng định là môi trường kiểm soát bên ngoài rất tốt ảnh hưởng tới chất lượng thông tin KTTC (với Sig < 5% và hệ số $\beta = 0,346$).

Kiểm định ảnh hưởng của hệ thống kế toán tới chất lượng thông tin kế toán tài chính

Thực hiện kiểm định riêng mối tương quan giữa hệ thống kế toán và chất lượng thông tin KTTC cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa hệ thống kế toán với chất lượng thông tin KTTC. Điều này cũng khẳng định được thực tế hệ thống kế toán tạo lập BCTC và quyết định một phần chất lượng thông tin KTTC (Sig. < 5% và hệ số $\beta = 0,662$).

Kiểm định ảnh hưởng của thủ tục kiểm soát tới chất lượng thông tin kế toán tài chính

Thực hiện kiểm định riêng mối tương quan giữa thủ tục kiểm soát và chất lượng thông tin KTTC cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa thủ tục kiểm soát với chất lượng thông tin KTTC. Điều này cũng khẳng định được việc duy trì, đảm bảo chất lượng thông tin KTTC nói riêng và chất lượng thông tin chung trong toàn doanh nghiệp có được bằng các thủ tục kiểm soát (Sig. < 5% và hệ số $\beta = 0,754$).

Như vậy, bằng việc tách các thành phần trong tổ chức KSNB kết quả nghiên cứu cho thấy sự ảnh hưởng của các thành phần này tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY. Và trong tất cả những phân tích trên đưa kết luận: Số năm thành lập công ty và số vốn điều lệ không ảnh hưởng gì đến chất lượng thông tin KTTC và thời gian niêm yết có ảnh hưởng tới chất lượng thông tin KTTC của các CTNY.

4. Kết luận

Bằng cách xây dựng các chỉ tiêu nhỏ tương ứng với các thành phần trong tổ chức KSNB, nghiên cứu thực hiện đo lường trọng số các thành phần trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tương quan giữa chất lượng thông tin KTTC và tổ chức KSNB do đó việc nâng cao chất lượng thông tin KTTC gắn liền với việc hoàn thiện tổ chức KSNB. Trong các thành phần của hệ thống KSNB, thành phần có tác động lớn nhất đến chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam là môi trường kiểm soát, tiếp đó là thủ tục kiểm soát và cuối cùng là hệ thống kế toán. Thời gian niêm yết có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin KTTC của các CTNY trên TTCK Việt Nam.

Tuy nhiên, kết luận trên mới dừng ở mức độ với số mẫu nhỏ. Nghiên cứu sẽ tiếp tục được mở rộng với lượng mẫu là toàn bộ các công ty phi tài chính niêm yết trên HOSE. □

Tài liệu tham khảo:

- Agrawal, A., Chadha, S. (2005). "Corporate governance and accounting scandals." *Journal of Law and Economics* 48: 371-406.
- Alvin A. Arens, J. K. L. (1995). 'Auditing', Đặng Kim Cương, Phạm Văn Đương, NXB Thống kê, 1995.
- Angella, A., E. L. I. (2009). "Evaluation of internal control systems: A case study from Uganda." *International Research Journal of Finance and Economics* 27: 124-144.
- Beekes, W., B. P. (2006). "The Link between Earnings and Timeliness, Earnings Conservatism and Board Composition: Evidence from the UK." *Corporate Governance: An International Review* 12: 14-59.
- Brown, J., F. D. O. M. (2010). "Auditor Independence and Earnings Quality: Evidence for Market Discipline vs. Sarbanes-Oxley Proscriptions." *American Law and Economics Review* 12 (1): 39-68.
- Brown, L., C. M. (2006). "Corporate Governance and Firm Valuation." *Journal of Accounting and Public Policy* 25 (4): 409 - 434.
- COSO (2009). "Guidance in Monitoring Internal Control Systems."
- Firth, M., F. P., Rui, O., (2007). "Ownership, two-tier Board Structure, and the Informativeness of Earnings: Evidence from China." *Journal of Accounting and Public Policy* 26 (4): 463-496.
- IFRS (2010). *Conceptual Framework for Financial Reporting 2010*. Chapter 3 : Qualitative characteristics of useful financial information.
- J. Altamuro, A. B. (2010). "How does internal control regulation affect financial reporting?" *Journal of Accounting & Economics* 49: 58-74.
- Karamanou, I., V. N. (2005). "The Association between Corporate Boards, Audit Committees, and Management Earnings Forecasts: An Empirical Analysis." *Journal of Accounting Research* 43 (3): 453 - 486.
- Petra, S. (2007). "The Effects of Corporate Governance on the Informativeness of Earnings." *Economics of Governance* 8: 129 -152.

Impact of internal control on the quality of financial information of the listed companies in the Vietnamese stock exchange

Abstract:

This paper studies the relationship between internal control and the financial information of the listed companies in the Vietnamese stock exchange. The paper uses the quantitative method to identify the elements of internal control that affect to the quality of financial information of the listed companies in the Vietnamese stock exchange. The result indicates the environment control is the most important element of internal control that affect quality of the financial information of the listed companies in the Vietnamese stock exchange.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Phương Hoa**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Viện Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kế toán, Tạp chí Kinh tế và phát triển*

Email: hoanp@neu.edu.vn

****Nguyễn Tố Tâm**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Điện lực